



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên độc lập của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Người ký: HUỲNH THỊ BÍCH HẠNH
Cơ quan: CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Email: bichhanhstc2502@gmail.com
Ký ngày: 13/03/2025 16:26:05



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế và pháp luật về báo cáo tài chính, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam.

MỤC LỤC

Trang

Tổng số trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán độc lập

4

Báo cáo tài chính hợp nhất

• Bảng cân đối kế toán hợp nhất

5 - 6

• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

7

• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

8

• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9 - 35

Tổng số trang

Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84) 028 3584 5555 - 028 3584 5556

E-mail: (84) 028 3584 107

Website: www.sachthietbi.com

Đơn vị: Đơn vị doanh nghiệp

• Báo cáo và chứng minh tài chính được lập theo đúng quy định.

• Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế và pháp luật về báo cáo tài chính, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam.

• Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế và pháp luật về báo cáo tài chính, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam.

• Báo cáo tài chính hợp nhất

• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

• Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: Đơn vị doanh nghiệp

• Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế và pháp luật về báo cáo tài chính, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2022 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 217 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 16 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Từ Trung Đan	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Nguyễn Văn Cung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
• Ông Phan Kế Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2023

Ban Kiểm soát

• Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
• Bà Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Bà Đào Thị Thanh Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020
• Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 11/07/2024
• Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/07/2023
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 191 /2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 01/3 /2025 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2025-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.592.785.452	168.435.795.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.920.474.727	35.648.745.177
1. Tiền	111		6.077.376.630	8.130.579.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.843.098.097	27.518.165.245
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.963.405.066	8.111.018.086
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	12.963.405.066	8.111.018.086
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.903.798.103	39.239.533.807
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	39.345.737.569	38.858.209.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	188.051.609	1.076.687.012
3. Các khoản phải thu khác	136	9	459.582.392	255.385.966
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.089.573.467)	(950.749.153)
IV. Hàng tồn kho	140	11	69.634.797.547	82.804.895.720
1. Hàng tồn kho	141		72.889.485.159	88.233.205.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.254.687.612)	(5.428.309.922)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.170.310.009	2.631.602.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	1.054.239.192	1.548.425.088
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.116.070.817	1.083.177.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			39.939.018.626	40.257.703.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.318.596	19.318.596
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		19.318.596	19.318.596
II. Tài sản cố định	220		28.364.735.902	30.173.610.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	28.364.735.902	30.173.610.534
- Nguyên giá	222		74.820.116.749	73.569.257.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.455.380.847)	(43.395.647.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		696.540.000	696.540.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.540.000)	(696.540.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.799.008.000	443.472.222
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.799.008.000	443.472.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.265.956.128	9.131.302.376
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	9.265.956.128	9.131.302.376
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.531.804.078	208.693.498.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. Nợ phải trả	300		75.924.527.356	72.392.854.694
I. Nợ ngắn hạn	310		75.924.527.356	72.315.854.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	30.804.214.949	24.568.178.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	493.987.738	903.153.349
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	2.229.880.851	993.891.358
4. Phải trả người lao động	314		22.516.767.446	23.513.023.263
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	914.000.590	3.865.457.651
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.759.517.500	1.297.222.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.092.428.211	826.826.412
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.113.730.071	16.348.101.530
II Nợ dài hạn	330		-	77.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	77.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.607.276.722	136.300.644.231
I. Vốn chủ sở hữu	410		138.607.276.722	136.300.644.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	50.417.965.656	48.155.058.205
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.318.142.000	8.318.142.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		386.400.000	386.400.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.931.742.000	7.931.742.000
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	23	2.915.405.527	2.871.680.487
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		214.531.804.078	208.693.498.925



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Vô Thị Thanh Tuyền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	490.736.703.837	504.209.296.185
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	419.551.011	902.192.092
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		490.317.152.826	503.307.104.093
4. Giá vốn hàng bán	11	27	399.949.148.128	409.382.343.100
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>90.368.004.698</u>	<u>93.924.760.993</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.540.834.083	1.349.581.420
7. Chi phí tài chính	22	29	519.386.592	323.136.726
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		519.386.592	323.133.480
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	30.a	38.183.989.826	39.931.811.608
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	37.123.724.592	39.099.917.363
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>16.081.737.771</u>	<u>15.919.476.716</u>
12. Thu nhập khác	31	31	1.003.834.925	1.841.506.272
13. Chi phí khác	32		84.084.945	21.235.822
14. Lợi nhuận khác	40		<u>919.749.980</u>	<u>1.820.270.450</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>17.001.487.751</u>	<u>17.739.747.166</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.139.214.394	2.261.421.257
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>14.862.273.357</u>	<u>15.478.325.909</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		14.315.710.348	14.915.231.685
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		546.563.009	563.094.224
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.799	1.865
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.799	1.865



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Thanh Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.001.487.751	17.739.747.166
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	3.217.832.919	3.386.950.487
- Các khoản dự phòng	03		(2.034.797.996)	(2.218.060.024)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(386.622)	(223.988)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(868.262.300)	(1.169.176.984)
- Chi phí lãi vay	06		519.386.592	323.133.480
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		17.835.260.344	18.062.370.137
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(734.428.826)	17.049.997.518
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.343.720.483	7.518.879.854
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.263.674.457	(22.540.549.075)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	103.004.366	144.692.845
- Tiền lãi vay đã trả	14		(519.386.592)	(323.133.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.912.996.730)	(2.566.482.319)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		45.020.000	79.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.557.490.325)	(4.422.629.946)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.866.377.177	13.002.145.534
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.194.214.287)	(1.427.332.424)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		14.727.273	98.318.183
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.228.052.084)	(2.381.923.285)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		5.375.665.104	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		712.981.745	1.059.003.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.318.892.249)	(2.651.933.805)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.557.640.950	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.557.640.950)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19,21	(8.276.142.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.276.142.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.271.342.928	2.074.069.729
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	35.648.745.177	33.574.451.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		386.622	223.988
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	49.920.474.727	35.648.745.177



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Trung Đan

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Võ Thị Thanh Tuyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/072006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2022 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

1.3. Cấu trúc Doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Mỗi quan hệ là bên liên quan cũng hình thành giữa 02 Công ty cùng chịu sự kiểm soát chung của tập đoàn hoặc giữa 02 Công ty cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi 01 cá nhân (là cổ đông/nhóm cổ đông/người lãnh đạo).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	413.913.721	334.845.670
Tiền gửi ngân hàng	5.663.462.909	7.795.734.262
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	43.843.098.097	27.518.165.245
Cộng	49.920.474.727	35.648.745.177

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	12.963.405.066	-	8.111.018.086	-
Cộng	12.963.405.066	-	8.111.018.086	-

Tại thời điểm 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024				01/01/2024			
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-		
Cộng			490.000.000	-	490.000.000	-		

Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định với vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Ngoài ra, cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Viễn Đông	6.923.954.333	4.013.187.949
Công ty CP Đầu tư Giáo dục Nam Việt	5.057.310.427	-
Công ty CPXD Thiên Quân Gia Lai	4.116.845.343	-
Các đối tượng khác	23.247.627.466	34.845.022.033
Cộng	39.345.737.569	38.858.209.982

Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ	530.095.538	343.000.971
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ	-	13.871.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ	583.759.534	484.399.707
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ	177.266.453	692.912.697
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	-	86.745.192
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung công ty mẹ	14.185.387	6.568.871

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng Phú Thiện	79.073.280	79.073.280
Hội trường Thống Nhất	50.000.000	-
Các đối tượng khác	58.978.329	997.613.732
Cộng	188.051.609	1.076.687.012

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	244.427.068	-	103.873.786	-
Tạm ứng	163.838.114	-	78.977.920	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.333.049	-	10.000.000	-
Phải thu khác	36.984.161	-	62.534.260	-
Cộng	459.582.392	-	255.385.966	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu kỳ	(950.749.153)	(542.244.109)
Dự phòng trích trong kỳ	(138.824.314)	(408.505.044)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối kỳ	(1.089.573.467)	(950.749.153)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.193.256.213	(347.995.926)	7.863.541.481	(91.516.214)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.241.849.131	-	4.072.372.072	-
Thành phẩm	11.500.719.181	(1.320.713.396)	16.780.950.546	(1.991.048.329)
Hàng hóa	48.953.660.634	(1.585.978.290)	59.516.341.543	(3.345.745.379)
Cộng	72.889.485.159	(3.254.687.612)	88.233.205.642	(5.428.309.922)

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2024 là 3.739.070.542 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2024, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	46.306.399.309	13.895.306.399	11.305.016.363	2.062.535.528	73.569.257.599
Tăng trong năm	169.123.075	-	844.158.832	395.676.380	1.408.958.287
Giảm trong năm	-	34.277.220	-	123.821.917	158.099.137
Số cuối năm	46.475.522.384	13.861.029.179	12.149.175.195	2.334.389.991	74.820.116.749
Khấu hao					
Số đầu năm	20.465.175.080	12.045.404.101	9.186.464.455	1.698.603.429	43.395.647.065
Tăng trong năm	1.214.800.465	948.171.478	920.516.643	134.344.333	3.217.832.919
Giảm trong năm	-	34.277.220	-	123.821.917	158.099.137
Số cuối năm	21.679.975.545	12.959.298.359	10.106.981.098	1.709.125.845	46.455.380.847
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.841.224.229	1.849.902.298	2.118.551.908	363.932.099	30.173.610.534
Số cuối năm	24.795.546.839	901.730.820	2.042.194.097	625.264.146	28.364.735.902

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 13.007.783.805 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 23.878.633.198 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Khấu hao			
Số đầu năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 696.540.000 đồng.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	47.164.397	112.318.273
Chi phí ngoại khóa (An Đông)	300.499.999	440.803.333
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	154.139.019	198.930.869
Chi phí bảo hiểm (An Đông)	113.660.820	170.780.400
Chi phí trả trước khác	438.774.957	625.592.213
Cộng	1.054.239.192	1.548.425.088

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	418.301.580	672.976.730
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.328.887.449	1.884.219.525
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	6.061.626.459	6.251.052.291
Chi phí trả trước dài hạn khác	457.140.640	323.053.830
Cộng	9.265.956.128	9.131.302.376

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055. Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Bình Tây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Phần mềm Bravo	1.099.008.000	-
Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương	700.000.000	300.000.000
Tư vấn xây dựng hệ thống định mức lao động cho xí nghiệp	-	143.472.222
Cộng	1.799.008.000	443.472.222

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thuận Phát	5.126.984.876	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Nam Việt Bảo Linh	4.923.567.056	-
Công ty TNHH TGO Software	3.573.465.000	-
Các đối tượng khác	17.180.198.017	24.568.178.431
Cộng	30.804.214.949	24.568.178.431

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ	1.023.220.879	994.463.730

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH TM XNK Thanh Niên	108.716.273	-
Công ty TNHH Tin học Viễn thông Thành Lợi	63.241.000	-
Các đối tượng khác	322.030.465	903.153.349
Cộng	493.987.738	903.153.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	764.857.208	-	4.553.673.959	3.954.349.146	1.364.182.021	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.865.869	-	2.139.214.394	1.912.996.730	448.083.533	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.168.281	416.205.918	2.907.940.291	2.081.287.357	417.615.297	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	666.971.401	10.004.710.062	11.451.809.478	-	2.114.070.817
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	13.000.000	-	2.000.000
Cộng	993.891.358	1.083.177.319	19.616.538.706	19.413.442.711	2.229.880.851	2.116.070.817

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước chi phí bán hàng	781.576.389	3.707.960.890
Chi phí phải trả khác	132.424.201	157.496.761
Cộng	914.000.590	3.865.457.651

20. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	8.500.830	8.500.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	171.500.000	93.500.000
Cổ tức phải trả	22.137.557	20.737.557
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	690.904.500	529.461.400
Phải trả khác	199.385.324	174.626.625
Cộng	1.092.428.211	826.826.412

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	49.631.752.250	49.631.752.250	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Bình Tây (1)	-	31.455.135.450	31.455.135.450	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 5 (2)	-	18.176.616.800	18.176.616.800	-
Cộng	-	49.631.752.250	49.631.752.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- (1)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Bình Tây theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 052/VCB-KHDN-CV/2024 ngày 15/04/2024 để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay của Hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại KCN Sóng Thần 3, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- (2)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 5 thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 030/2024 – HDCVHM/NHCT920-08-STB ngày 11/06/2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 – 2025. Hạn mức cho vay của Hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức được tính từ ngày 11/06/2024 đến ngày 29/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 (một) hàng tháng. Lãi suất lần nhận nợ đầu tiên là 5,5%/năm. Hợp đồng tín dụng không có đảm bảo.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2023	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	45.522.654.073	8.318.142.000
Tăng trong năm	-	-	-	2.632.404.132	14.915.231.685
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.915.231.685
Số tại 31/12/2023	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	8.318.142.000
Số tại 01/01/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	8.318.142.000
Tăng trong năm	-	-	-	2.262.907.451	14.315.710.348
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.315.710.348
Số tại 31/12/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	50.417.965.656	8.318.142.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.318.142.000	8.318.142.000
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	14.315.710.348	14.915.231.685
Phân phối lợi nhuận	14.315.710.348	14.915.231.685
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.931.742.000	7.931.742.000
+ Chia cổ tức	7.931.742.000	7.931.742.000
- Phân phối lợi nhuận năm nay (**)	6.383.968.348	6.983.489.685
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.262.907.451	2.632.404.132
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.416.492.098	3.617.464.294
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	704.568.799	733.621.259
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	8.318.142.000	8.318.142.000

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 11/04/2024.

(**) Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025.

23. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.871.680.487	2.871.680.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	546.563.009	563.094.224
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	502.837.969	563.094.224
- Giảm do chia cổ tức	345.800.000	345.800.000
- Giảm do trích quỹ KTPL	157.037.969	217.294.224
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ	2.915.405.527	2.871.680.487

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng (USD)	324,62	324,62

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Nợ phải thu khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền học phí phải thu học sinh	153.403.000	153.403.000
Công ty CP Công Nghệ Gamma	62.376.301	-
Công ty TNHH Kỹ Nguyên Hồng	57.024.362	-
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển và Hỗ Trợ Giáo Dục Việt Nam	54.936.048	-
Công ty CP Media Việt Nam	25.061.999	-
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục VN - EDUVN - Hà Nội	22.962.485	-
Cộng	375.764.195	153.403.000

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	274.030.557.163	274.496.375.342
Doanh thu thiết bị giáo dục	183.366.032.027	195.968.224.873
Doanh thu hoạt động dạy học	30.790.656.218	31.274.523.889
Doanh thu khác	2.549.458.429	2.470.172.081
Cộng	490.736.703.837	504.209.296.185

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Hàng bán bị trả lại	419.551.011	902.192.092
- Sách và sản phẩm in	118.949.913	300.025.038
- Thiết bị giáo dục	300.601.098	602.167.054
	419.551.011	902.192.092

27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách và sản phẩm in	251.820.526.176	251.239.040.927
Giá vốn thiết bị giáo dục	126.119.422.209	134.481.419.020
Giá vốn hoạt động dạy học	20.644.223.653	21.135.208.640
Giá vốn khác	3.538.598.400	5.153.239.581
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.173.622.310)	(2.626.565.068)
Cộng	399.949.148.128	409.382.343.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi tạm ứng theo hợp đồng	789.835.027	1.012.058.801
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	63.700.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	686.912.434	278.495.385
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	386.622	227.234
Cộng	1.540.834.083	1.349.581.420

29. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	519.386.592	323.133.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	3.246
Cộng	519.386.592	323.136.726

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương, các khoản trích theo lương	22.901.460.503	23.525.198.106
Khấu hao tài sản cố định	423.057.970	462.552.807
Chi phí vận chuyển	3.539.135.149	3.738.175.792
Tiền thuê đất	4.272.954.116	3.213.963.079
Các khoản khác	7.047.382.088	8.991.921.824
Cộng	38.183.989.826	39.931.811.608

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2024	Năm 2023
Tiền lương, trích theo lương	22.967.571.592	23.901.705.763
Khấu hao tài sản cố định	1.044.781.474	970.107.494
Tiền thuê đất	1.665.268.118	1.277.665.704
Các khoản khác	11.446.103.408	12.950.438.402
Cộng	37.123.724.592	39.099.917.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	30.553.575	186.340.683
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	14.727.273	98.318.183
Cho thuê mặt bằng	735.181.823	444.709.092
Các khoản khác	223.372.254	1.112.138.314
Cộng	1.003.834.925	1.841.506.272

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.001.487.751	17.739.747.166
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	14.207.422.845	13.843.697.247
- Hoạt động khác không được ưu đãi	2.794.064.906	3.896.049.919
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	615.165.366	573.852.525
- Các khoản điều chỉnh tăng	679.251.988	632.879.759
+ Chi phí không được trừ	679.251.988	632.876.513
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	3.246
- Các khoản điều chỉnh giảm	64.086.622	59.027.234
+ Cô tức được chia	63.700.000	58.800.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	386.622	227.234
Tổng thu nhập chịu thuế	17.616.653.117	18.313.599.691
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	14.371.570.156	14.012.986.817
- Hoạt động khác không được ưu đãi	3.245.082.961	4.300.612.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.086.173.608	2.261.421.257
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	1.437.157.016	1.401.298.682
- Hoạt động khác không được ưu đãi	649.016.592	860.122.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.139.214.394	2.261.421.257
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.086.173.608	2.261.421.257
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	53.040.786	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.315.710.348	14.915.231.685
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(4.121.060.897)	(4.351.085.553)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	4.121.060.897	4.351.085.553
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.194.649.451	10.564.146.132
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	1.799	1.865

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.709.378.381	26.388.680.175
Chi phí nhân công	69.100.594.465	71.732.376.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.217.832.919	3.386.950.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.832.131.072	25.673.544.969
Chi phí khác	14.431.091.820	16.270.770.647
Cộng	134.291.028.657	143.452.322.684

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2024	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	30.790.656.218	183.366.032.027	276.580.015.592	490.736.703.837
Các khoản giảm trừ	-	300.601.098	118.949.913	419.551.011
Giá vốn hàng bán	20.644.223.653	124.415.764.560	254.889.159.915	399.949.148.128
Chi phí bán hàng	-	27.916.160.259	10.267.829.567	38.183.989.826
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.926.323.361	20.615.005.798	7.582.395.433	37.123.724.592
Chi phí lãi vay thuần	(116.804.415)	(470.047.204)	316.403.184	(270.448.435)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	76.049.289	674.949.767	750.999.056
Thu nhập khác	-	28.238.062	975.596.863	1.003.834.925
Chi phí khác	-	-	84.084.945	84.084.945
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.336.913.619	10.692.834.867	4.971.739.265	17.001.487.751
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2024				
Phải thu của khách hàng	1.045.263.672	36.549.351.760	661.548.670	38.256.164.102
Hàng tồn kho	456.493.847	47.667.853.222	21.510.450.478	69.634.797.547
Tài sản cố định hữu hình	-	-	-	28.364.735.902
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.219.274.618	13.994.351.252	154.206.286	15.367.832.156
+ Nguyên giá	2.747.878.460	39.782.459.633	403.400.000	42.933.738.093
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.528.603.842)	(25.788.108.381)	(249.193.714)	(27.565.905.937)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	12.996.903.746
+ Nguyên giá	-	-	-	32.582.918.656
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(19.586.014.910)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	78.276.106.527
Tổng Tài sản	-	-	-	214.531.804.078
Phải trả người bán	339.949.400	27.173.363.225	3.290.902.324	30.804.214.949
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	45.120.312.407
Tổng Nợ phải trả	-	-	-	75.924.527.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Năm 2023	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	31.274.523.889	195.968.224.873	276.966.547.423	504.209.296.185
Các khoản giảm trừ	-	602.167.054	300.025.038	902.192.092
Giá vốn hàng bán	21.135.208.640	131.751.608.345	256.495.526.115	409.382.343.100
Chi phí bán hàng	-	30.318.394.673	9.613.416.935	39.931.811.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.658.344.413	23.112.891.352	7.328.681.598	39.099.917.363
Chi phí lãi vay thuần	(218.951.820)	(602.169.786)	132.196.285	(688.925.321)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	74.290.143	263.229.230	337.519.373
Thu nhập khác	-	148.570.547	1.692.935.725	1.841.506.272
Chi phí khác	-	-	21.235.822	21.235.822
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>1.699.922.656</u>	<u>11.008.193.926</u>	<u>5.031.630.584</u>	<u>17.739.747.166</u>

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2023

Phải thu của khách hàng	810.871.201	34.825.976.421	2.270.613.207	37.907.460.829
Hàng tồn kho	821.890.256	56.258.279.483	25.724.725.981	82.804.895.720
Tài sản cố định				30.173.610.534
- Tài sản cố định HH của bộ phận	261.635.389	15.331.453.890	261.999.142	15.855.088.421
+ Nguyên giá	1.508.043.248	39.816.736.853	403.400.000	41.728.180.101
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.246.407.859)	(24.485.282.963)	(141.400.858)	(25.873.091.680)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	14.318.522.113
+ Nguyên giá	-	-	-	32.537.617.498
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(18.219.095.385)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	57.807.531.842
Tổng Tài sản				<u>208.693.498.925</u>
Phải trả người bán	321.146.873	20.655.381.019	3.591.650.539	24.568.178.431
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	47.824.676.263
Tổng Nợ phải trả				<u>72.392.854.694</u>

36. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng (USD)	324,62	324,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước và học phí phải thu học sinh. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng. Đối với học phí thì sẽ thu vào đầu mỗi kỳ học. Khi lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu quá hạn thanh toán nếu có được Công ty đánh giá khả năng thu hồi, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và có biện pháp thu hồi kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	30.804.214.949	-	30.804.214.949
Chi phí phải trả	914.000.590	-	914.000.590
Phải trả khác	1.083.927.381	-	1.083.927.381
Cộng	32.802.142.920	-	32.802.142.920
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.568.178.431	-	24.568.178.431
Chi phí phải trả	3.865.457.651	-	3.865.457.651
Phải trả khác	818.325.582	77.000.000	895.325.582
Cộng	29.251.961.664	77.000.000	29.328.961.664

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	49.920.474.727	-	49.920.474.727
Phải thu khách hàng	38.256.164.102	-	38.256.164.102
Đầu tư tài chính	12.963.405.066	490.000.000	13.453.405.066
Phải thu khác	295.744.278	19.318.596	315.062.874
Cộng	101.435.788.173	509.318.596	101.945.106.769
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	35.648.745.177	-	35.648.745.177
Phải thu khách hàng	37.907.460.829	-	37.907.460.829
Đầu tư tài chính	8.111.018.086	490.000.000	8.601.018.086
Phải thu khác	176.408.046	19.318.596	195.726.642
Cộng	81.843.632.138	509.318.596	82.352.950.734

37. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời hạn thuê đất là ngắn hạn (hàng năm) cho đến khi có dự án đầu tư xây dựng trường học;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm; Thời hạn thuê: 50 năm.

38. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Chủ tịch HĐQT và chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phí nhãn hiệu	51.504.818	51.504.818
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem, khác	1.018.626.740	947.499.750
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách giáo khoa, Sách tham khảo,...	133.927.204	19.284.927.018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bài tập, Sách tham khảo, VHP,...	220.363.642.378	220.553.194.500
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	2.331.429	-
Bán hàng			
NXB Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị,...	125.507.990	17.644.030
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách, thiết bị,...	12.435.406.936	11.811.630.897
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị,...	8.460.485	34.869.574
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa, chiết khấu thanh toán	22.737.322.815	10.213.277.897
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	3.288.691.721	4.400.883.794
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Thiết bị	276.373.329	482.412.348
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Thiết bị	1.015.442.601	3.010.925.916
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Thiết bị	153.028.128	112.232.258

c. Chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả và tiền lương của ban Tổng Giám đốc

Chi phí Thù lao Hội đồng quản trị phải trả	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT	125.862.100	135.803.000
Ông Đỗ Thành Lâm	TV HĐQT	83.908.000	90.535.400
Ông Nguyễn Văn Cung	TV HĐQT	83.908.000	90.535.400
Ông Từ Trung Đan	TV HĐQT	83.908.000	90.535.400
Ông Phan Kế Thái	TV HĐQT	83.908.000	63.877.700
Cộng		461.494.100	471.286.900
		Năm 2024	Năm 2023
Chi phí Thù lao Ban kiểm soát phải trả		167.816.300	181.070.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	617.161.348	641.590.081
Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	399.134.827	413.069.101
Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	453.659.512	472.255.172
Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	360.312.516	134.130.000
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	399.134.627	411.771.401
Cộng		2.229.402.830	2.072.815.755

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 2, số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí,
Phường 25, Quận Bình Thạnh,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3910 2235
Fax: +84 (28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.com.vn